

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Nam
Lầu 2 – 3, 28 – 30 – 32 Nguyễn Thị Nghĩa, Quận 1, Tp. HCM

Công ty CP Chứng khoán Phương Nam
BÁO CÁO CÁC TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 30/6/2013.



Được kiểm toán bởi: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM**
Tầng 2,3,4 - Cao ốc 96 Đinh Tiên Hoàng, P.1, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 38 227 158; Fax: (84-8) 35 512 008
Website: www.ksi.com.vn; Email: audit@ksi.com.vn

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 - 05
2.	Báo cáo kiểm toán	06 - 07
3.	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	08 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (gọi tắt là Công ty) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam được thành lập theo quyết định số 87/UBCK-GP ngày 27/06/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2011 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2011 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Quyết định số 93/QĐ-SGDHCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại SGDCK TP.HCM; Quyết định số 152/QĐ-TTGDHN về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại TTGDCK Hà Nội.

Trụ sở chính đặt tại: Lầu 2 & 3 số 28 – 30 – 32 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM

Các đơn vị trực thuộc: 2 chi nhánh

- Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, Số 205 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
- Chi nhánh Vũng Tàu: Số 38 Trương Văn Bang, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(*đã đồng của hoạt động theo Quyết định số 74/QĐ-UBCK ngày 21/02/2013*)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán

Ngành, nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính.

Theo công bố thông tin trên trang web của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Công trình Giao Thông 584 có mã chứng khoán là NTB, kể từ ngày 23/7/2013, các cổ phiếu này sẽ hủy giao dịch.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty trong suốt giai đoạn tài chính cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị:

Chức vụ

Ông Lữ Bình Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Trinh	Thành viên
Ông Trần Phát Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Lữ Bình Huy	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Quốc Huỳnh	Phó Tổng Giám đốc	Bãi nhiệm 15/03/2013
Và Bà Đinh Thị Bích Thủy	Kế toán trưởng	

Ban kiểm soát

Ông Bùi Công Hội	Trưởng ban
Bà Lô Ngọc Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Thượng Thuật	Thành viên

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 30/06/2013 của Công ty được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam (KSi)

Trụ sở chính: Tầng 2-3-4, số 96 Đinh Tiên Hoàng, P.1, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 38 227 158, Fax: (84-8) 35 512 008, Website: www.ksi.com.vn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo Báo cáo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam
tại ngày 30/06/2013*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2013 được lập tại ngày 31/7/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 08 đến trang 20.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo

Ban Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo này, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư 226/2010/TT- BTC ("Thông tư 226") ngày 31/12/2010, Thông tư 165/2012/TT-BTC ("Thông tư 165") ngày 09 tháng 10 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý Báo cáo để Báo cáo không sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện nhằm đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn đã phản ánh trung thực hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến vấn đề sau:

Theo công bố thông tin trên trang web của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác Công trình Giao Thông 584 có mã chứng khoán là NTB, kể từ ngày 23/7/2013, các cổ phiếu này hủy giao dịch.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM



Trương Quang Anh

(Số GCNĐKHNT: 0950-2013-046-1)

Kiểm toán viên

Trịnh Thị Bích Liên

(Số GCNĐKHNT: 1342-2013-046-1)

Số: 22.2013/3NS-NC

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

tại thời điểm 30/6/2013

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

ĐINH THỊ BÍCH THỦY

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Trần Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



LƯU BÌNH HUY

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phương Nam

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 30/06/2013

Phụ lục số 05

(Ban hành theo TT số 226/2010/TT-BTC ngày

31 tháng 12 năm 2010)

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	62.403.067.305	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	13.590.598.873	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	60.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		135.993.666.178	
5	Vốn khả dụng	7	369.368.917.779	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)		271,61%	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu	411.741.558.041	36.044.133.102	8.915.265.854
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	340.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính			
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập dự phòng theo quy định pháp luật	71.741.558.041		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		36.044.133.102	8.915.265.854
1A	Tổng			384.612.690.793

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i>		397.692.500	
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		397.692.500	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn (Tiếp theo)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác		1.795.299.486	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.459.580.886	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản thu Nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		335.718.600	
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		335.718.600	
1B	Tổng		2.192.991.986	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn (Tiếp theo)			
II	Tài sản cố định		10.587.409.906	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư vào chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		2.463.371.122	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		13.050.781.028	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C			369.368.917.779

Ghi chú: Các chỉ tiêu không áp dụng cho mục đích lập được bảng tính vốn khả dụng không được thể hiện số liệu

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị tính: VNĐ

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
1	Tiền mặt (VNĐ)	0%	102.424.830.805	
2	Các khoản tương đương tiền	0%	175.000.000.000	
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		
II	Trái phiếu chính phủ			
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%		
5.2	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
III	Trái phiếu doanh nghiệp			
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 năm đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	20%		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 năm đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	40%		
IV	Cổ phiếu			27.626.102.950
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	64.026.617.500	6.402.661.750
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	15%	1.150.000.000	172.500.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	42.101.882.400	21.050.941.200
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			30.244.792.000
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	75.611.980.000	30.244.792.000
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII	Chứng khoán khác			
17	Cổ phần, phần góp vốn và các loại chứng khoán khác	80%		
18	Các tài sản đầu tư khác			
VIII	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	STB	10%	5.206.699.750	520.669.975
2	PNB	10%	9.870.231.800	987.023.180
3	NTB	10%	30.244.792.000	3.024.479.200
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				62.403.067.305

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Đơn vị tính: VND

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)							Tổng giá trị rủi ro (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
1	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							10.500.000.000
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán				10.500.000.000			10.500.000.000
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Đơn vị tính: VND

II Rủi ro quá thời hạn thanh toán				480.598.873
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	480.598.873	480.598.873

III. Rủi ro tăng thêm

Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		%	VND	VND
III Rủi ro tăng thêm				
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Phương Nam	30%	8.700.000.000	2.610.000.000
2	Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng BIDV			
				2.610.000.000
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				13.590.598.873

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	116.520.100.210
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	37.187.679.089
1	Chi phí khấu hao	3.869.842.641
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	31.594.115.816
3	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
4	Dự phòng phải thu khó đòi	1.723.720.632
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	79.332.421.121
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	19.833.105.280
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
	C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{III, IV})	60.000.000.000
	D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	135.993.666.178

Kế toán trưởng



ĐINH THỊ BÍCH THỦY

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Trần Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



LƯU BÌNH HUY